

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/5/2022.

V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị H
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị P và bà Bùi Thị N
- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị T, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị L, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm lý số: 97/2021/TLST- HNGĐ ngày 18/11/2021 về việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Bùi Hồng Q, sinh năm 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn H, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

- **Bị đơn:** Chị Trần Thị T, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn H, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12/11/2021, bản tự khai ngày 22/11/2021 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Bùi Hồng Q trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị T kết hôn ngày 01/12/1989, kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn H), huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khoảng năm 2013 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn, không có sự tin tưởng lẫn nhau về mọi mặt trong cuộc sống. Mặc dù, giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn nhưng vợ chồng vẫn cố gắng

chung sống vì hai con cho đến tháng 5/2018 không thể tiếp tục duy trì hôn nhân nữa nên đã sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể gắn kết được nữa do mâu thuẫn đã trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh Q yêu cầu tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Trần Thị T.

- Về con chung: Anh Bùi Hồng Q và chị Trần Thị T có 02 con chung là Bùi Trung K, sinh ngày 18/6/1990 và Bùi Phương T, sinh ngày 26/12/2003. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên vợ chồng ly hôn anh Bùi Hồng Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Bùi Hồng Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh Bùi Hồng Q khai nhận vợ chồng không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào và cũng không cho ai vay nợ gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Bùi Hồng Q xin chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Về phía bị đơn chị Trần Thị T: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ, tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Chị T biết việc anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, biết việc Tòa án thụ lý vụ án. Nhưng chị T vắng mặt (không đến Tòa) không có lý do trong tất cả các buổi làm việc do Tòa án triệu tập, vắng mặt tại phiên tòa ngày 10/5/2022 và phiên tòa hôm nay.

Nguyên đơn anh Bùi Hồng Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Bị đơn đã được niêm yết công khai Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật quy định tại các Điều 70; Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của nguyên đơn Bùi Hồng Q, xử cho anh Bùi Hồng Q được ly hôn chị Trần Thị T.

- Về con chung: Anh Bùi Hồng Q và chị Trần Thị T có 02 con chung là Bùi Trung K, sinh ngày 18/6/1990 và Bùi Phương T, sinh ngày 26/12/2003. Hiện nay các

con chung đã thành niên đủ năng lực hành vi dân sự, vợ chồng ly hôn anh Bùi Hồng Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Bùi Hồng Q không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết;

- Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và xác định quan hệ Tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền. Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Bùi Hồng Q và chị Trần Thị T đúng quy định của pháp luật; anh Q có mặt tại phiên tòa, chị T không cung cấp lời khai, không nhận văn bản pháp luật do Tòa án tổng đạt, vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án xét xử trong thời hạn luật định. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 177; Điều 179; điểm e, khoản 1, Điều 192; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Hồng Q và chị Trần Thị T là hợp pháp, tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y (nay là UBND thị trấn H), huyện Y, tỉnh Hòa Bình ngày 01/12/1989.

Căn cứ vào lời khai của anh Q và quá trình xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương nơi cư trú và các tài liệu chứng cứ khác. Hội đồng xét xử thấy rằng: sau khi kết hôn anh Q và chị T chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng năm 2013 thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu từ kinh tế vợ chồng không thống nhất được, kinh tế không tập trung, có sự nghi ngờ lẫn nhau nên không còn quan tâm, chia sẻ, gắn bó với nhau. Tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, rạn nứt đến tháng 5 năm 2018 thì sống ly thân. Lời khai của anh Q phù hợp với việc xác minh tại nơi cư trú thể hiện anh Q và chị T không chung sống cùng nhau trong thời gian dài, thể hiện tình cảm vợ chồng không được vun đắp, không có tiếng nói chung, khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nên việc anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh Q.

- Về con chung: Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên toà xác định anh Bùi Hồng Q và chị Trần Thị T có 02 con chung là Bùi Trung K, sinh ngày 18/6/1990 và Bùi Phương T, sinh ngày 26/12/2003. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự, vợ chồng ly hôn anh Bùi Hồng Q không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên toà xác định anh Bùi Hồng Q không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội anh Bùi Hồng Q phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] *Quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271; Điều 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật;

Vì lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 177; Điều 179; điểm e, khoản 1, điều 192; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Bùi Hồng Q với bị đơn Trần Thị T; Xử cho anh Bùi Hồng Q được ly hôn với chị Trần Thị T.

- Về con chung: Anh Bùi Hồng Q không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Anh Bùi Hồng Q không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Bùi Hồng Q phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002185 ngày 18/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Anh Q đã nộp đủ án phí.

- *Án xử công khai sơ thẩm:* Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định của pháp luật ; bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình
- VKSND huyện Y
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- UBND TT. H
- (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị H